

Số: 41/2020/QĐST-HNGĐ

Yên Lập, ngày 13 tháng 3 năm 2020.

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 42/2020/TLST- HNGĐ ngày 19 tháng 02 năm 2020 giữa:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị T, sinh năm 1974.

Trú tại: Khu 4, xã Xuân Thủy, huyện Yên Lập, tỉnh Phú Thọ.

Bị đơn: Anh Đinh Văn H, sinh năm 1972.

Trú tại: Khu 4, xã Xuân Thủy, huyện Yên Lập, tỉnh Phú Thọ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Qũy tín dụng nhân dân xã Hưng Long

Địa chỉ: Khu Đình Cả, xã Hưng Long, huyện Yên Lập, tỉnh Phú Thọ.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Hà Thị Hồng Nh- chức vụ Chủ tịch hội đồng quản trị.

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 Luật thi hành án dân sự; Khoản 7 Điều 26; điểm a khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào các Điều 55, 58 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 06 tháng 3 năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 06 tháng 3 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Trần Thị T và anh Đinh Văn H.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về con chung: Chị Trần Thị T và anh Đinh Văn H đều xác định con chung Đinh Thị N, sinh ngày 23/5/1993 (đã trưởng thành và xây dựng gia đình); Đinh Châu T, sinh ngày 15/3/1997 đã trưởng thành, lao động tự túc được, nên đều thoả thuận không đề nghị Tòa án giải quyết vấn đề nuôi con chung.

Về tài sản chung; công nợ: Chị Trần Thị T và anh Đinh Văn H đều thoả thuận đề nghị Tòa án ghi vào biên bản và quyết định của Tòa án nội dung thoả thuận của hai vợ chồng tại Biên bản tự thoả thuận chia tài sản chung; công nợ chung của vợ chồng khi ly hôn ngày 05/3/2020 như sau:

Anh Đinh Văn H được quyền sử dụng và sở hữu toàn bộ tài sản chung của vợ chồng gồm:

+ 01 thửa đất số 436, tờ bản đồ số 46, diện tích đất 200,3m², địa chỉ thửa đất khu 4, xã Xuân Thủy, huyện Yên Lập, tỉnh Phú Thọ, tại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BV957830, ủy ban nhân dân huyện Yên Lập, tỉnh Phú Thọ, cấp ngày 18/6/2014; tên người sử dụng đất Đinh Văn H, sinh năm 1972 và Trần Thị T, sinh năm 1974. Trên thửa đất này có 01 ngôi nhà xây hai tầng (Toàn bộ tài sản này hiện nay đang thế chấp tại quỹ tín dụng nhân dân xã Hưng Long).

+ 05 thửa đất, tổng diện tích 1901,5m² gồm: Thửa đất số 86, tờ bản đồ số 31, diện tích 885,9m²; Thửa đất số 305, tờ bản đồ số 45, diện tích 301,1m²; Thửa đất số 294, tờ bản đồ số 46, diện tích 151,2m²; Thửa đất số 296, tờ bản đồ số 46, diện tích 496,1m²; Thửa đất số 299, tờ bản đồ số 46, diện tích 67,2m², tại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BV 957832, Ủy ban nhân dân huyện Yên Lập, tỉnh Phú Thọ cấp ngày 18/6/2014. Tên người sử dụng đất Đinh Văn H, sinh năm 1972 và Trần Thị T, sinh năm 1974, địa chỉ Khu 4, xã Xuân Thủy, huyện Yên Lập, tỉnh Phú Thọ.

Anh Đinh Văn Hảo có trách nhiệm trả toàn bộ nợ chung của vợ chồng cho Quỹ tín dụng nhân dân xã Hưng Long, địa chỉ: Khu Đình Cả, xã Hưng Long, huyện Yên Lập, tỉnh Phú Thọ số tiền 120.000.000đ (Một trăm hai mươi triệu đồng) và lãi theo hợp đồng vay vốn số 2019 471/HĐTTCV ngày 16/9/2019.

Về công sức: Chị Trần Thị T và anh Đinh Văn H đều xác định chị T không có công sức đóng góp cho gia đình nhà chồng trong thời gian làm dâu, nên đều thoả thuận không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị Trần Thị T tự nguyện chịu cả cả 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí mà chị Tào đã nộp tại biên lai số 0001336 ngày 19/02/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Lập, tỉnh Phú Thọ. Chị Trần Thị T được trả lại 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi

hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Yên Lập;
- Chi cục THADS huyện Yên Lập;
- UBND xã Xuân Viên;
- Lưu văn phòng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Hà Tiến Nghị